

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/06/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Nghị Quyết 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026 (Giảm 30% thời gian giải quyết TTHC);

Căn cứ Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa các quy định, thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Thực hiện theo Công điện 22/CĐ-TTg ngày 09/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm về cắt giảm thủ tục hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm số: 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/04/2025; 2261/QĐ-BNNMT ngày 20/6/2025; 2391/QĐ-BNNMT ngày 27/6/2025; 2405/QĐ-BNNMT ngày 27/6/2025; 2653/QĐ-BNNMT ngày 11/7/2025; 2490/QĐ-BNNMT ngày 01/7/2025;

Căn cứ Quyết định số 63/2024/QĐ-UBND ngày 24/10/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND Thành phố số: 46/QĐ-UBND ngày 06/01/2025 về việc ủy quyền cho Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội công bố danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội; 2005/QĐ-UBND ngày 12/04/2025 về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1928/QĐ-UBND ngày 08/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội tại Công văn số 7661/SNNMT-VP ngày 15/9/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này là Danh mục 34 thủ tục hành chính (TTHC) lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố. Trong đó, 26 thủ tục hành chính cấp tỉnh; 08 thủ tục hành chính cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội. *(Chi tiết tại phụ lục kèm theo).*

19 thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh (gồm 17 thủ tục hành chính cấp tỉnh và 02 thủ tục hành chính cấp xã) thực hiện đơn giản hóa theo Nghị Quyết 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ; Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025, Công điện 22/CD-TTg ngày 09/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2490/QĐ-BNNMT ngày 01/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hiệu lực thi hành thủ tục hành chính xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu (số thứ tự 24 phụ lục) quy định tại khoản 2, điều 28 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 120/2024/NĐ-CP ngày 30/9/2024 của Chính Phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam.

Quyết định số 1018/QĐ-TTPVHCC ngày 30/6/2025 của Giám đốc Trung tâm Phục vụ Hành chính công thành phố Hà Nội hết hiệu lực.

Điều 3. Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đã được công bố tại Quyết định này gửi Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố phê duyệt theo quy định.

Điều 4. Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội, Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố, các Sở, cơ quan tương đương Sở; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC-Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- Cổng thông tin điện tử thành phố;
- Trung tâm PVHCC: GD, PGD,
- các phòng, đơn vị, chi nhánh trực thuộc;
- Lưu: VT, Sở NNMT, TTPVHCC.

GIÁM ĐỐC



Cù Ngọc Trang

Phụ lục

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP KIỂM LÂM
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTPVHCC ngày / /2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP TỈNH (26 TTHC)

TT		Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Theo Quy định tại Quyết định công bố TTHC của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Thực hiện Đơn giản hóa tại Quyết định số 1928/QĐ-UBND ngày 08/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội	Thực hiện theo Công điện 22/CD-TT ngày 9/3/2025; Nghị Quyết 66/NQ-CP của Chính Phủ ngày 26/3/2025 của Chính phủ (Giảm 30% thời gian giải quyết TTHC); Quyết định số 2490/QĐ-BNNMT ngày 01/7/2025; Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ				
I		DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI (03 TTHC)							
1		Lĩnh vực Lâm nghiệp (01 TTHC)							
01	01	Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của địa phương (1.012921)	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.		Trong thời hạn 23 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội – Chi nhánh số 1	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không	-Nghị định số 140/2024/NĐ-CP ngày 25/10/2024 của Chính Phủ quy định về thanh lý rừng trồng (Sau đây gọi tắt là Nghị định số 140/2024/NĐ-CP ngày 25/10/2024 của Chính Phủ); -Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày

									29/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Sau đây gọi tắt là Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường); -Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 11/04/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Kiểm lâm Hà Nội thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội (Sau đây gọi tắt là Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 11/04/2025 của UBND thành phố Hà Nội); -Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa các
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

									quy định, thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Sau đây gọi tắt là Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng chính phủ).
2		Lĩnh vực Kiểm lâm (02 TTHC)							
02	01	Quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (1.012692)	Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: 35 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. -Trường hợp diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác thuộc phạm vi quản		Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: 33 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. -Trường hợp diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác thuộc phạm vi quản	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội – Chi nhánh số 1	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không	-Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp (Sau đây gọi tắt là Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ); -Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp (Sau đây gọi tắt là Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày

			lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: 48 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: 33 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.				18/7/2024 của Chính phủ); -Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 11/04/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ.
03	02	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (3.000152)	- Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: 35 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp diện tích		- Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp diện tích rừng	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội – Chi nhánh số 1	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không	-Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; -Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 11/04/2025 của UBND

		rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: 48 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.				thành phố Hà Nội; - Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ.
II	DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI (06 TTHC)							
1	Lĩnh vực Lâm nghiệp (02 TTHC)							

04	01	Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh (1.000071)	40 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.		28 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội – Chi nhánh số 1	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không	-Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; -Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 11/04/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Công điện 22/CĐ-TT ngày 9/3/2025; Nghị Quyết 66/NQ-CP của Chính Phủ ngày 26/3/2025 của Chính phủ.
05	02	Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh) (1.000058)	15 ngày làm việc.		10 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội – Chi nhánh số 1	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không	-Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; -Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 11/04/2025 của UBND thành phố Hà Nội.

									-Công điện 22/CĐ-TT ngày 9/3/2025; Nghị Quyết 66/NQ-CP của Chính Phủ ngày 26/3/2025 của Chính phủ.
2		Lĩnh vực Kiểm lâm (04 TTHC)							
06	01	Quyết định thu hồi rừng đối với tổ chức tự nguyện trả lại rừng (1.012691)	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội - Chi nhánh số 1	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không	-Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; -Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; -Quyết định số 1215/QĐ- BNNMT ngày 29/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 1988/QĐ- UBND ngày 11/04/2025 của UBND thành phố Hà Nội.
07	02	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức (1.012689)	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ		12 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội - Chi nhánh số 1	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến;	Không	-Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính

							- Qua dịch vụ bưu chính.		phủ; -Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 11/04/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ.
08	03	Phê duyệt Phương án sử dụng rừng đối với các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý (1.012690)	15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội - Chi nhánh số 1	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không	-Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; -Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 11/04/2025 của UBND thành phố Hà Nội.

09	04	Phê duyệt hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng (1.012413)	a) Trường hợp diện tích rừng tạm sử dụng thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: 12 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường nhận được hồ sơ hợp lệ. b) Trường hợp diện tích rừng tạm sử dụng thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành chủ quản: 20 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường nhận được hồ sơ hợp lệ.	a) Trường hợp diện tích rừng tạm sử dụng thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: 08 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường nhận được hồ sơ hợp lệ. b) Trường hợp diện tích rừng tạm sử dụng thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành chủ quản: 14 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội – Chi nhánh số 1	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không	-Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; -Nghị định số 227/2025/NĐ-CP ngày 16/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; -Quyết định số 3317/QĐ-BNNMT ngày 20/8/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 11/04/2025 của UBND thành phố Hà Nội. -Công điện 22/CĐ-TT ngày 9/3/2025; Nghị Quyết 66/NQ-CP của Chính Phủ ngày 26/3/2025 của Chính phủ.
----	----	---	---	---	---	--	-------	--

III		DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI (07 TTHC)							
*		Lĩnh vực Lâm nghiệp (07 TTHC)							
10	01	Cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp (3.000179)	04 ngày làm việc			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội – Chi nhánh số 1	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không	-Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; -Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 2261/QĐ-BNNMT ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Sau đây gọi tắt là Quyết định số 2261/QĐ-BNNMT ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường); -Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 11/04/2025 của UBND thành phố Hà Nội.

11	02	Cấp lại giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp do bị mất, bị hỏng (3.000180)	03 ngày làm việc			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội – Chi nhánh số 1	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không	-Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; -Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Nghị định số 27/2021/NĐ - CP ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp; -Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - -Quyết định số 1988/QĐ- UBND ngày 11/04/2025 của UBND thành phố Hà Nội.
12	03	Phê duyệt điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý (1.012687)	55 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	54 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội – Chi nhánh số 1	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không	-Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; -Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; -Quyết định số 1215/QĐ- BNNMT ngày 29/04/2025 của Bộ

									Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 1988/QĐ- UBND ngày 11/04/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 1928/QĐ- UBND ngày 08/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và môi trường thành phố Hà Nội (<i>Sau đây gọi tắt là Quyết định số 1928/QĐ-UBND ngày 08/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội</i>); -Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng chính phủ.
13	04	Phê duyệt nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế (1.007916)	(i) Trường hợp UBND cấp tỉnh bố trí đất để trồng rừng trên địa bàn: 15 ngày kể từ ngày nhận			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội – Chi nhánh số 1	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu	Không	-Thông tư số 16/2025/TT- BNN&MT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Quyết định số 2261/QĐ- BNNMT ngày 20/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

			được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. (ii) Trường hợp UBND cấp tỉnh không bố trí được đất để trồng rừng trên địa bàn: + Trường hợp chủ dự án không đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của tỉnh nơi đề nghị nộp tiền: 40 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. + Trường hợp chủ dự án đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng				chính.		-Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 11/04/2025 của UBND thành phố Hà Nội.
--	--	--	---	--	--	--	--------	--	--

			thay thế theo đơn giá trồng rừng của tỉnh nơi đề nghị nộp tiền: 26 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.						
14	05	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý (1.000084)	45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	44 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội – Chi nhánh số 1	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không	-Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; -Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 11/04/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 1928/QĐ-UBND ngày 08/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Công điện 22/CĐ-TT ngày 9/3/2025; Nghị Quyết 66/NQ-CP của Chính Phủ ngày

									26/3/2025 của Chính phủ.
15	06	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ hoặc rừng sản xuất thuộc địa phương quản lý (1.000081)	45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	44 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội – Chi nhánh số 1	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không	-Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; -Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 11/04/2025 của UBND thành phố Hà Nội. -Quyết định số 1928/QĐ-UBND ngày 08/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Công điện 22/CĐ-TT ngày 9/3/2025; Nghị Quyết 66/NQ-CP của Chính Phủ ngày 26/3/2025 của Chính phủ.

16	07	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức (1.000055)	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ		14 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội – Chi nhánh số 1	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không	-Thông tư số 16/2025/TT-BNN&MT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Quyết định số 2261/QĐ-BNN&MT ngày 20/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. -Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 11/04/2025 của UBND thành phố Hà Nội, -Công điện 22/CĐ-TT ngày 9/3/2025; Nghị Quyết 66/NQ-CP của Chính Phủ ngày 26/3/2025 của Chính phủ.
IV		DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI (03 TTHC)							
*		Lĩnh vực lâm nghiệp (03 TTHC)							
17	01	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt	- 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp không cần xác minh tính chính xác của hồ sơ trình phê duyệt phương án		- 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp không cần xác minh tính chính xác của hồ sơ trình phê duyệt phương án	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội – Chi nhánh số 1	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không	-Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân (Sau đây gọi tắt là Thông tư số 26/2025/TT-

		nguồn vốn trồng rừng (1.011470)	khai thác. - 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cần xác minh tính chính xác của hồ sơ trình phê duyệt phương án khai thác.		khai thác. - 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cần xác minh tính chính xác của hồ sơ trình phê duyệt phương án khai thác.				<i>BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường</i>); -Quyết định số 2391/QĐ-BNNMT ngày 27/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Quyết định số 2490/QĐ-BNNMT ngày 01/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 11/04/2025 của UBND thành phố Hà Nội.
18	02	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư (1.007918)	15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	14 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ		Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội – Chi nhánh số 1	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không	-Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ; -Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ Nông nghiệp & PTNT; -Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; -Quyết định số 1928/QĐ- UBND ngày 08/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 1215/QĐ- BNNMT ngày

									29/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
19	03	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là tổ chức thuộc địa phương quản lý (3.000501)	26 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội – Chi nhánh số 1	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không	-Nghị định số 183/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; -Quyết định số 2653/QĐ-BNNMT ngày 11/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường <i>(Sau đây gọi tắt là Quyết định số 2653/QĐ-BNNMT ngày 11/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)</i>
V		DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CHI CỤC KIỂM LÂM (04 TTHC)							
1		Lĩnh vực Lâm nghiệp (01 TTHC)							
20	01	Công nhận, công nhận lại nguồn	Trong thời hạn 18 ngày		Trong thời hạn 14 ngày	Trung tâm Phục vụ	Hồ sơ gửi bằng một	- Công nhận lâm	-Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày

		giống cây trồng lâm nghiệp (3.000198)	làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	hành chính công thành phố Hà Nội – Chi nhánh số 1	trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	phần tuyển chọn: 600.000 đồng/ lô giống; - Công nhận vườn giống: 2.400.000 đồng/ vườn giống.	09 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp; -Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp; -Thông tư số 22/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; -Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; -Quyết định số 1215/QĐ- BNNMT
--	--	---	--	--	--	---	---	---	---

									ngày 29/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 2490/QĐ-BNNMT ngày 01/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 1988/QĐ- UBND ngày 11/04/2025 của UBND thành phố Hà Nội.
2		Lĩnh vực Kiểm lâm (03 TTHC)							
21	01	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES (1.004819)	- Trường hợp không phải kiểm tra thực tế: 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp cần kiểm tra thực tế: 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp nuôi trồng loài thuộc phụ lục I Công ước CITES vì mục đích			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội – Chi nhánh số 1	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không	-Luật Lâm nghiệp 2017; -Luật Thủy sản 2017; -Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường (<i>Sau đây gọi tắt là Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ</i>); -Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định về quản lý loài nguy cấp, quý, hiếm; nuôi động vật

			thương mại trong nước và xuất khẩu: 19 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (chưa bao gồm thời gian của cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam và phản hồi của Ban thư ký CITES). - Trường hợp đăng ký nuôi, trồng loài thủy sản thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích xuất khẩu: 19 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (chưa bao gồm thời gian của cơ quan thẩm quyền quản lý					rừng thông thường và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (Sau đây gọi tắt là Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường); -Quyết định số 2405/QĐ-BNNMT ngày 27/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (sau đây gọi tắt là Quyết định số 2405/QĐ-BNNMT ngày 27/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường); -Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 11/04/2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà
--	--	--	--	--	--	--	--	---

			<i>CITES Việt Nam và phản hồi của Ban thư ký CITES)</i> - Trường hợp nuôi trồng loài thuộc phụ lục Công ước CITES không phân bố tự nhiên tại Việt Nam, lần đầu tiên đăng ký nuôi trồng tại Việt Nam: + Trường hợp phải kiểm tra thực tế: 17 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (<i>Chưa bao gồm thời gian trả lời của cơ quan khoa học CITES Việt Nam</i>). + Trường hợp nuôi trồng loài thuộc phụ lục I Công ước CITES vì mục đích						Nội; -Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Chăn nuôi, Thủy sản và Thú y thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường (<i>Sau đây gọi tắt là Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội</i>).
--	--	--	---	--	--	--	--	--	--

		thương mại trong nước và xuất khẩu: 21 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (<i>Chưa bao gồm thời gian trả lời của Cơ quan khoa học CITES, cơ quan thẩm quyền quản lý CITES và Ban thư ký CITES</i>). + Trường hợp đăng ký nuôi, trồng loài thủy sản thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích xuất khẩu: 21 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (<i>Chưa bao gồm thời gian trả lời của Cơ quan khoa học</i>							
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

			<i>CITES, cơ quan thẩm quyền quản lý CITES và Ban thư ký CITES)</i>						
22	02	Cấp lại mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc phụ lục Công ước CITES (3.000496)	- Trường hợp không phải kiểm tra thực tế: 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp cần kiểm tra thực tế: 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp nuôi trồng loài thuộc phụ lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu: 19 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (<i>chưa bao gồm thời gian</i>)			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội – Chi nhánh số 1	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không	-Luật Lâm nghiệp 2017; -Luật Thủy sản 2017; -Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; -Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Căn cứ Quyết định số 2405/QĐ-BNNMT ngày 27/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 11/04/2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội.

			<i>của cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam và phản hồi của Ban thư ký CITES).</i> - Trường hợp đăng ký nuôi, trồng loài thủy sản thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích xuất khẩu: 19 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (<i>chưa bao gồm thời gian của cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam và phản hồi của Ban thư ký CITES</i>) - Trường hợp nuôi trồng loài thuộc phụ lục Công ước CITES không						
--	--	--	---	--	--	--	--	--	--

			phân bố tự nhiên tại Việt Nam, lần đầu tiên đăng ký nuôi trồng tại Việt Nam: + Trường hợp phải kiểm tra thực tế: 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (<i>Chưa bao gồm thời gian trả lời của cơ quan khoa học CITES Việt Nam</i>). + Trường hợp nuôi trồng loài thuộc phụ lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu: 21 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (<i>Chưa bao gồm thời gian</i>						
--	--	--	---	--	--	--	--	--	--

			<i>trả lời của Cơ quan khoa học CITES, cơ quan thẩm quyền quản lý CITES và Ban thư ký CITES).</i> + Trường hợp đăng ký nuôi, trồng loài thủy sản thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích xuất khẩu: 21 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (<i>Chưa bao gồm thời gian trả lời của Cơ quan khoa học CITES, cơ quan thẩm quyền quản lý CITES và Ban thư ký CITES).</i>)						
23	03	Phân loại doanh nghiệp trồng,	-Trường hợp không		Trường hợp không phải	Trung tâm Phục vụ	Hồ sơ gửi bằng một	Không	-Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày

		khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ (3.000160)	phải xác minh: 06 ngày làm việc. - Trường hợp phải xác minh: 14 ngày làm việc.		xác minh: 04 ngày làm việc. Trường hợp phải xác minh: 09 ngày làm việc.	hành chính công thành phố Hà Nội – Chi nhánh số 1	trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.		01/9/2020 của Chính phủ. -Nghị định số 120/2024/NĐ-CP ngày 30/9/2024 của Chính phủ; -Thông tư số 21/2021/TT- BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ; -Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 1215/QĐ- BNNMT ngày 29/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 11/04/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Công điện 22/CĐ-TT ngày 9/3/2025; Nghị Quyết 66/NQ-CP của Chính Phủ ngày 26/3/2025 của Chính phủ.
--	--	--	--	--	---	--	---	--	---

VI		DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA HẠT KIỂM LÂM (03 TTHC)							
*		Lĩnh vực Kiểm lâm (03 TTHC)							
24	01	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu (3.000159)	- 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp có thông tin vi phạm: 06 ngày làm việc		- 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp có thông tin vi phạm: 05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội – Chi nhánh số 1	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không	-Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ; -Nghị định số 120/2024/NĐ-CP ngày 30/9/2024 của Chính phủ; -Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 11/04/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng chính phủ.
25	02	Xác nhận bảng kê lâm sản (1.000045)	- Trường hợp không phải xác minh: 02 ngày làm việc		- Trường hợp không phải xác minh: 02 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức	Không	-Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định phân

			kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp phải xác minh: 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp xác minh có nhiều nội dung phức tạp: Không quá 08 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.		kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp phải xác minh: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp xác minh có nhiều nội dung phức tạp: Không quá 04 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	phố Hà Nội – Chi nhánh số 1	sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.		quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường; -Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ; -Nghị định số 120/2024/NĐ-CP ngày 30/9/2024 của Chính phủ; -Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 2391/QĐ-BNNMT ngày 27/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 2490/QĐ-BNNMT ngày 01/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 11/04/2025 của UBND thành phố Hà Nội.
--	--	--	--	--	--	------------------------------------	---	--	--

26	03	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên (1.000047)	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ		06 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội – Chi nhánh số 1	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không	-Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 2391/QĐ-BNNMT ngày 27/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 2490/QĐ-BNNMT ngày 01/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 11/04/2025 của UBND thành phố Hà Nội.
----	----	---	---	--	---	---	--	-------	--

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI (08 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		Theo Quy định tại Quyết định công bố TTHC của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Thực hiện Đơn giản hóa tại Quyết định số 1928/QĐ-UBND ngày 08/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội	Thực hiện theo Công điện 22/CĐ-TT ngày 9/3/2025; Nghị Quyết 66/NQ-CP của Chính Phủ ngày 26/3/2025 của Chính phủ (Giảm 30% thời gian giải quyết TTHC); Quyết định số 2490/QĐ-BNNMT ngày 01/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ				
1	Lĩnh vực Lâm nghiệp (06 TTHC)							

27	01	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng (1.012922)	05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.			(1). Điểm phục vụ hành chính công cấp xã; (2). Các Chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố.	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không	-Nghị định số 140/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/10/2024; -Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
28	02	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân (1.012531)	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.		14 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	(1). Điểm phục vụ hành chính công cấp xã; (2). Các Chi nhánh trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố.	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không	-Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ. - Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Công điện 22/CĐ-TT ngày 9/3/2025; Nghị Quyết 66/NQ-CP của Chính Phủ ngày 26/3/2025 của Chính phủ.

29	03	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái (3.000250)	15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.			(1). Điểm phục vụ hành chính công cấp xã; (2). Các Chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố.	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không	-Thông tư số 16/2025TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 2261/QĐ-BNNMT ngày 20/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
30	04	Thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công. (1.007919)	09 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.			(1). Điểm phục vụ hành chính công cấp xã; (2). Các Chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố.	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không	-Nghị Định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; -Thông tư số 16/2025TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 2261/QĐ-BNNMT ngày 20/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
31	05	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng	- 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được			(1). Điểm phục vụ hành chính công cấp	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức	Không	-Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm

		ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã (1.011471)	hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp không cần xác minh tính chính xác của hồ sơ trình phê duyệt phương án khai thác. - 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cần xác minh tính chính xác của hồ sơ trình phê duyệt phương án khai thác.			xã; (2). Các Chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố.	sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.		2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 2391/QĐ-BNNMT ngày 27/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
32	06	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây được liệu	24 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ			(1). Điểm phục vụ hành chính công cấp xã; (2). Các Chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến;	Không	-Nghị định số 183/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi

		trong rừng đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, công đồng dân cư (3.000502)				công Thành phố.	- Qua dịch vụ bưu chính.		tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; -Quyết định số 2653/QĐ-BNNMT ngày 11/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
2		Lĩnh vực Kiểm lâm (02 TTHC)							
33	01	Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng (1.012695)	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ		10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	(1). Điểm phục vụ hành chính công cấp xã; (2). Các Chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố.	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không	-Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ.
34	02	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân (1.012694)	12 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ			(1). Điểm phục vụ hành chính công cấp xã; (2). Các Chi nhánh Trung tâm	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến;	Không	-Nghị Định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. -Thông tư số 16/2025TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi

						Phục vụ hành chính công Thành phố.	- Qua dịch vụ bưu chính.		trường; -Quyết định số 2261/QĐ- BNNMT ngày 20/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
--	--	--	--	--	--	---	--------------------------------	--	--